

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ
MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP**

**Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2015**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		697.046.570.868	760.888.868.031
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.242.435.334	44.299.605.658
111 1. Tiền		21.242.435.334	29.263.772.325
112 2. Các khoản tương đương tiền		-	15.035.833.333
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		378.990.042.701	484.257.229.758
131 1. Phải thu khách hàng		215.479.996.935	331.060.198.415
132 2. Trả trước cho người bán		91.577.261.846	67.595.758.552
135 5. Các khoản phải thu khác		71.932.783.920	85.601.272.791
140 IV. Hàng tồn kho	5	229.231.181.066	175.317.310.079
141 1. Hàng tồn kho		229.231.181.066	175.317.310.079
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		67.582.911.767	57.014.722.536
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.083.000	-
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.729.295.694	5.461.125.063
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	1.176.548.450	1.134.111.566
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	7	55.675.984.623	50.419.485.907
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		607.048.964.627	665.770.561.703
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		10.716.090.202	70.856.254.337
215 5. Phải thu dài hạn khác		10.716.090.202	70.856.254.337
220 II. Tài sản cố định		236.028.833.599	232.786.643.076
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	97.949.380.145	100.760.304.508
222 - Nguyên giá		129.984.261.956	129.984.261.956
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(32.034.881.811)	(29.223.957.448)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228 - Nguyên giá		56.500.000	56.500.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(56.500.000)	(56.500.000)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		138.079.453.454	132.026.338.568
250 V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	267.016.555.904	267.385.949.750
251 1. Đầu tư vào công ty con		152.533.753.674	150.018.253.674
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		114.282.367.049	117.167.260.895
258 3. Đầu tư dài hạn khác		200.435.181	200.435.181
260 VI. Tài sản dài hạn khác		93.287.484.922	94.741.714.540
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	93.187.484.922	94.641.714.540
262 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
268 3. Tài sản dài hạn khác	14	100.000.000	100.000.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.304.095.535.495	1.426.659.429.734

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		721.556.220.144	843.419.099.139
310 I. Nợ ngắn hạn		602.098.648.641	719.051.521.412
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	15	235.488.143.855	289.076.018.284
312 2. Phải trả người bán		198.534.899.696	244.424.656.095
313 3. Người mua trả tiền trước		59.107.055.087	68.284.060.563
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	89.431.990.230	89.691.062.434
315 5. Phải trả người lao động		1.972.432.524	2.145.056.358
316 6. Chi phí phải trả	17	9.430.180.133	16.080.102.603
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	8.289.856.016	10.383.664.734
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		(155.908.900)	(1.033.099.659)
330 II. Nợ dài hạn		119.457.571.503	124.367.577.727
333 3. Phải trả dài hạn khác	19	20.000.000.000	20.000.000.000
334 4. Vay và nợ dài hạn	20	99.457.571.503	104.348.075.000
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		-	19.502.727
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		582.539.315.351	583.240.330.595
410 I. Vốn chủ sở hữu	21	582.539.315.351	583.240.330.595
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		580.186.000.000	580.186.000.000
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.353.315.351	3.054.330.595
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.304.095.535.495	1.426.659.429.734

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Bùi Khánh Linh

Tổng Giám đốc

Lê Khả Mạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6 tháng năm 2015

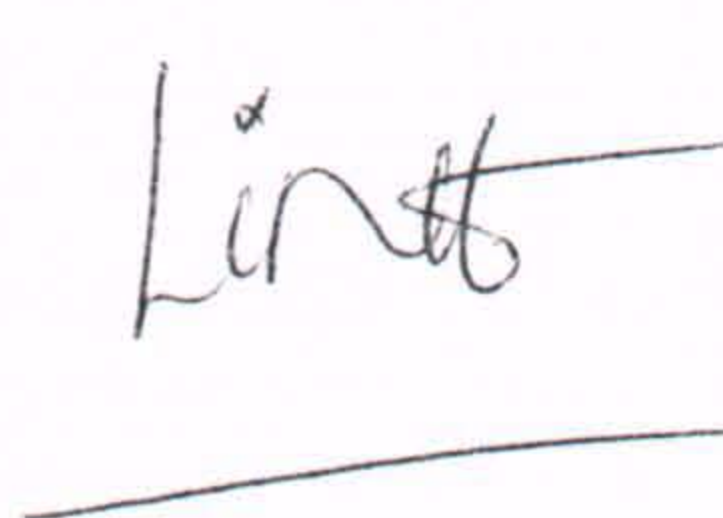
Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		139.139.424.462	224.853.690.928
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	139.139.424.462	224.853.690.928
11 4. Giá vốn hàng bán	23	132.305.524.491	213.255.297.513
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.833.899.971	11.598.393.415
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	15.421.068.804	21.640.821.858
22 7. Chi phí tài chính	25	10.330.989.037	13.480.062.826
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		9.595.721.838	12.499.887.726
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.401.998.533	18.375.791.043
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		521.981.205	1.383.361.404
31 11. Thu nhập khác		12.593.335	42.978.952
32 12. Chi phí khác		202.490.125	1.104.762.887
40 13. Lợi nhuận khác		(189.896.790)	(1.061.783.935)
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		332.084.415	321.577.469
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		332.084.415	321.577.469

Người lập biểu



Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Bùi Khánh Linh

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Khả Mạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6 tháng năm 2015
Theo phương pháp trực tiếp

Mã số CHỈ TIÊU

Thuyết
minh

6 tháng đầu năm 2015

VND

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	233.490.431.163
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(38.732.256.438)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(7.825.448.472)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(9.432.422.542)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	23.046.711.895
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(34.153.093.817)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	166.393.921.789
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	459.459.120
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	300.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2.012.400.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	85.958.099.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	5.872.349.281
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	90.577.507.401
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	350.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(280.378.599.514)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(280.028.599.514)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	44.299.605.658
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	21.242.435.334

3

Hà Nội, ngày tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Thủy

Bùi Khánh Linh

10



Lê Khả Mạnh